

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 4 - 2024

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thắng

2. Bà Trần Thị Ngọc Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thục Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Trọng - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2023/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị D, sinh năm: 1983;

Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm: 1976;

Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, tại các phiên hoà giải, nguyên đơn chị Đoàn Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn T có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

xã Q, huyện Q nay là thị xã B, tỉnh Quảng Bình, vào ngày 24/10/2002. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T đánh đập, mắng chửi chị nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên kiên quyết xin được ly hôn với anh Phạm Văn T

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung, tên là Phạm Minh Q, sinh ngày 23/4/2005; Phạm Văn N, sinh ngày 10/5/2012; Phạm Thị Yến N, sinh ngày 22/5/2015. Nếu ly hôn chị D có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con Phạm Văn N và Phạm Thị Yến N, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Riêng con Phạm Minh Q đã trưởng thành nên ở với ai là quyền của con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có một số tài sản nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản biên bản lấy lời khai anh Phạm Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và anh chị Đoàn Thị D có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn là hoàn toàn tự nguyện như chị D đã trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, năm 2016 anh bị tai nạn thì chị D bỏ về nhà ông bà ngoại nên vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị D xin được ly hôn thì anh không đồng ý.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung, tên là Phạm Minh Q, sinh ngày 23/4/2005; Phạm Văn N, sinh ngày 10/5/2012; Phạm Thị Yến N, sinh ngày 22/5/2015. Nếu ly hôn anh T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Phạm Văn N, chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Phạm Thị Yến N và đề nghị chị D cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Còn con Phạm Minh Q đã trưởng thành nên ở với ai là quyền của con

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không chấp hành việc thông báo, triệu tập của Toà án, gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Đề nghị căn cứ vào Điều 28, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vụ án vắng mặt chị Đoàn Thị D và anh Phạm Văn T; căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp

nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Đoàn Thị D, xử cho chị D ly hôn với anh T; căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình giao 02 con chung là Phạm Văn N và Phạm Thị Yến N cho chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị D không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét; Về tài sản chung: không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Chị Đoàn Thị D có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh Phạm Văn T. Hiện tại anh T đang có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn chị Đoàn Thị D và bị đơn anh Phạm Văn T. Tuy nhiên, chị D và anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vụ án vắng mặt chị Đoàn Thị D và anh Phạm Văn T

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Đoàn Thị D và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc. Tuy nhiên, đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị D trình bày là do anh T có hành vi đánh đập, chửi bới chị; còn anh T cho rằng chị D tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ, dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, chị D kiên quyết xin được ly hôn với anh T.

Đối với anh Phạm Văn T, mặc dù anh T có nguyện vọng để vợ chồng trở lại đoàn tụ, nhưng anh T không có hành động gì để thể hiện mong muốn của mình đối với chị D.

Xét thấy, chị D và anh T đã ly thân 08 năm nay và không liên lạc gì với nhau, cuộc sống hôn nhân của chị D và anh T không còn có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D; căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị D được ly hôn với anh T là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung:

Quá trình chung sống chị Đoàn Thị D và anh Phạm Văn T có 03 con chung như chị D, anh T đã trình bày. Nếu ly hôn chị D có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con Phạm Văn N và Phạm Thị Yến N, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; anh T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Phạm Văn N, giao con Phạm Thị Yến N cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Riêng con Phạm Minh Q đã trưởng thành nên chị D, anh T trình bày con ở với ai là quyền của con.

Quá trình giải quyết vụ án, cháu Phạm Văn N và cháu Phạm Thị Yến N trình bày nguyện vọng được ở với mẹ là chị Đoàn Thị D.

Xét thấy nguyện vọng xin được nuôi con của chị D, anh T là hoàn toàn chính đáng, tuy nhiên các cháu Phạm Văn N và Phạm Thị Yến N đều trình bày nguyện vọng được ở với mẹ; các cháu đều đang trong độ tuổi học tập, phát triển tâm sinh lý nên cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ. Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 27/3/2024, anh T trình bày do sức khỏe yếu, không tiện cho việc đi lại. Vì vậy, cần căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung Phạm Văn N và Phạm Thị Yến N cho chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng do chị D không yêu cầu.

[4] Về quan hệ tài sản chung:

Quá trình giải quyết vụ án, chị D trình bày vợ chồng tự thỏa thuận; anh T cho rằng vợ chồng không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí:

Chị Đoàn Thị D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vụ án vắng mặt chị Đoàn Thị D và anh Phạm Văn T

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, chị Đoàn Thị D. Xử cho chị Đoàn Thị D được ly hôn với anh Phạm Văn T

3. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Phạm Văn N và Phạm Thị Yến N cho chị D trực tiếp nuôi chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về quan hệ tài sản chung: Không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Đoàn Thị D phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003256 ngày 18 tháng 12 năm 2023. Chị D đã nộp đủ tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà